

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 101/2022/HS-ST
Ngày: 15/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn A.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Bích L và Ông Bùi Tấn K.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bá Văn N - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Trần Đình T1 - Kiểm sát viên.

Tham gia tại điểm cầu trung tâm.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại Điểm cầu trung tâm Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện B và Điểm cầu thành phần nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm trực tuyến, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 72/2022/HSST ngày 20 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1982 (Tên gọi khác: Không); tại tỉnh Lâm Đồng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp Trần Văn Cao, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 3, xã L, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 7/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Q (đã chết) và con bà Nguyễn Thị G (đã chết).

Vợ Nguyễn Hoàng Thanh H, sinh năm 1994 (đã ly hôn), con: 04 người, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2021; anh, chị, em: Có 07 con lớn nhất sinh năm 1960, nhỏ nhất sinh năm 1977.

Tiền án: Không.

Nhân thân: Ngày 23/9/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 24 tháng tù về tội: Đánh bạc, chấp hành xong hình phạt ngày 30/8/2011. Ngày 30/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 15 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 24/7/2017.

Bị cáo bị bắt ngày 10/5/2022 trong trường hợp truy nã hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B.

Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ công an huyện B.

- **Bị hại:** Ông Ngô Văn N1, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện HTB, tỉnh Bình Thuận.

- **Người làm chứng:**

1. Nguyễn Văn T2, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

2. Huỳnh Thị L1, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Đại chỉ: Thôn BN, xã BT, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Tham gia tại điểm cầu trung tâm.

- **Người tham gia tố tụng khác tham gia điểm cầu thành phần:**

+ Đại diện Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình: Ông Đặng Xuân N2 - Thẩm phán.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình: Ông Lư Ngọc Q1 - Kiểm sát viên.

+ Đại diện nhà tạm giữ Công an huyện Bắc Bình: Ông Đinh Xuân H1 - cán bộ; Trần Phan Đông L2 - Chiến Sỹ và ông Nguyễn Trường V - Chiến Sỹ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/3/1982, ấp Trần Cao Vân, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai đã bị khởi tố bị can về tội: “Trộm cắp tài sản”, sau đó T bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 10/5/2022 T bị bắt trong trường hợp truy nã. Hành vi phạm tội của T được thể hiện như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 05/4/2016, sau khi lấy trộm xe mô tô biển số 85B1-067.25 ở huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thì Nguyễn Văn T cùng với Nguyễn Văn T2, sinh năm 1977, ở thôn S, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (là anh ruột của T) bàn bạc thống nhất chạy xe mô tô 85B1-067.25 đi vào thành phố HCM để tiêu thụ. Trên đường đi, T2 điều khiển xe mô tô 85B1-067.25 chở T chạy theo đường Đại Ninh đến ngã ba thị trấn L, rồi chạy dọc theo đường Quốc lộ 1A vào hướng thành phố HCM. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày 05/4/2016, T2 chạy xe chở T đi ngang

qua nhà bà Huỳnh Thị L1, sinh năm 1968, ở thôn BN, xã BT, huyện B, tỉnh Bình Thuận thì T nhìn thấy xe ô tô biển số 86B3-276.62, Nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu đen-bạc-xanh, số khung: 1211DY068837, số máy: C12E-5069053 do Ngô Văn N1, sinh năm 1985, ở thôn Liêm Thuận, xã Hồng Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận điều khiển đến dừng trước nhà bà L1 để đi làm thợ hồ, không có người trông coi nên T nảy sinh ý định lấy trộm. T bảo T2 dừng xe lại để T xuống xe đi vào lấy trộm xe mô tô biển số 86B3-276.62 nhưng T2 không dừng xe và nói “thôi đừng lấy trộm nữa”, T nói “cứ bỏ tui xuống có gì tui chịu”, T2 chửi T “mày làm gì thì mày làm chứ tao bỏ mày xuống là tao đi luôn”, T nói “cứ bỏ tui xuống”. Thấy T rất hung hăng kiên quyết xuống xe cho bằng được nên T2 dừng xe lại cho T xuống xe, rồi T2 chạy xe mô tô 85B1-067.25 bỏ đi trước. T ở lại đi bộ qua đường Quốc lộ 1A đến trước nhà bà L1 quan sát xung quanh thấy không có ai, T đi đến chỗ xe mô tô 86B3-276.62 và lấy một cây van mang theo sẵn trong người ra, đút vào ổ khóa xe mô tô 86B3-276.62 bẻ khóa xe ra, khởi động nổ máy chạy xe ra đường Quốc lộ 1A rượt đuổi theo Trí. Khi đi được một đoạn đường (khoảng 10km) thì T chạy xe theo kịp T2 Sau đó, T chạy xe mô tô 86B3-276.62 và T2 chạy xe mô tô 85B1-067.25 đi đến ngã ba D, huyện T, tỉnh Đồng Nai thì bị Công an huyện T chặn lại kiểm tra phát hiện bắt giữ T, T2 và cùng hai xe mô tô nêu trên đưa về trụ sở làm việc. Tại đây, T và T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. Công an huyện T, tỉnh Đồng Nai chuyển Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T2 và cùng một chiếc xe mô tô 85B1-067.25 đến Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng điều tra giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi phát hiện bị kẻ gian lấy trộm xe mô tô biển số 86B3-276.62 Ngô Văn N1 làm đơn báo mất gửi đến công an xã BT, huyện B. Đến ngày 08/11/2016 Công an huyện T, tỉnh Đồng Nai chuyển giao chiếc xe mô tô 86B3-276.62 đến cơ quan điều tra công an huyện B điều tra giải quyết theo thẩm quyền.

* Tại bản kết luận định giá tài sản số 53/2016/HĐĐG-TTHS ngày 11/11/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận:

- Xe mô tô biển số 86B3-276.62, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu đen-bạc-xanh, số khung 1211DY068837, số máy C12E-5069053, mua năm 2013; đơn giá 16.800.000 đồng/chiếc; tỷ lệ sử dụng còn lại 50%; thành tiền 16.800.000 đồng/chiếc x 50% = 8.400.000 đồng.

Về tang, vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ: Xe mô tô biển số 86B3-276.62, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu đen-bạc-xanh, số khung 1211DY068837, số máy C12E-5069053. Sau khi định giá, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý giao trả chiếc xe mô tô trên cho bị hại Ngô Văn N1 theo quy định pháp luật.

Quá trình lập biên bản bắt truy nã đối với Nguyễn Văn T, thì cơ quan Công an có thu giữ một chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu đen của T. Quá trình điều tra xét thấy không có liên quan đến vụ án nên Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã xử lý giao trả chiếc điện thoại trên cho T theo quy định của pháp luật.

Về phần dân sự: Sau khi nhận lại tài sản là xe mô tô biển số 86B3-276.62, bị hại Ngô Văn N1 yêu cầu Nguyễn Văn T bồi thường tiền chi phí sửa xe và các chi phí khác 1.000.000 đồng, T đã nhờ Nguyễn Văn T2 (là anh ruột của T) bồi thường cho N1 1.000.000 đồng. N1 đã đồng ý nhận tiền và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với hành vi của Nguyễn Văn T2 dừng xe lại để T xuống xe đi lấy trộm chiếc xe mô tô 86B3-276.62 là do Nguyễn Văn T rất hung hăng, cương quyết xuống xe cho bằng được để thực hiện hành vi trộm cắp; đồng thời T2 cũng không đồng ý việc T lấy trộm chiếc xe mô tô 86B3-276.62 nên Cơ quan CSĐT không có căn cứ xem xét vai trò đồng phạm đối với T2 trong vụ án này là phù hợp.

Đối với hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 85B1-067.25 ở huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng của Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T2 nêu trên và 01 cây vam T dùng làm công cụ bẻ khóa xe mô tô 86B3-276.62; vào 30/9/2016 tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã xét xử và xử phạt T 15 tháng tù và T2 5 tháng 28 ngày về tội: trộm cắp tài sản và tuyên tịch thu tiêu hủy một cây vam mà T đã dùng phá khóa lấy trộm xe mô tô nên không xem xét giải quyết trong vụ án này (Theo bản án số 42/2016/HSST ngày 30/9/2016).

Quá trình điều tra: Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. Lời khai nhận của T phù hợp với lời khai người làm chứng, bị hại, người liên quan về thời gian, địa điểm, đặc điểm tài sản bị chiếm đoạt cũng như vật chứng thu giữ được và kết quả định giá tài sản.

Tại bản Cáo trạng số 73/CT-VKS.HBB ngày 18 tháng 7 năm 202 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, vị Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, luận tội và tranh luận về hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Về tang, vật chứng của vụ án:

+ Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ: Xe mô tô biển số 86B3-276.62, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu đen-bạc-xanh, số khung 1211DY068837, số máy C12E-5069053. Sau khi định giá, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý giao trả chiếc xe mô tô trên cho bị hại Ngô Văn N1 theo quy định pháp luật.

+ Quá trình lập biên bản bắt truy nã đối với Nguyễn Văn T, thì cơ quan Công an có thu giữ một chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu đen của T. Quá trình

điều tra xét thấy không có liên quan đến vụ án nên Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã xử lý giao trả chiếc điện thoại trên cho T theo quy định của pháp luật.

- **Về phân trách nhiệm dân sự:** Sau khi nhận lại tài sản là xe mô tô biển số 86B3-276.62, bị hại Ngô Văn N1 yêu cầu Nguyễn Văn T bồi thường tiền chi phí sửa xe và các chi phí khác 1.000.000 đồng, T đã nhờ Nguyễn Văn T2 (là anh ruột của T) bồi thường cho N1 1.000.000 đồng. N1 đã đồng ý nhận tiền và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với hành vi của Nguyễn Văn T2 dùng xe lại để T xuống xe đi lấy trộm chiếc xe mô tô 86B3-276.62 là do Nguyễn Văn T rất hung hăng, cương quyết xuống xe cho bằng được để thực hiện hành vi trộm cắp; đồng thời T2 cũng không đồng ý việc T lấy trộm chiếc xe mô tô 86B3-276.62 nên Cơ quan CSĐT không có căn cứ xem xét vai trò đồng phạm đối với T2 trong vụ án này là phù hợp.

Đối với hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 85B1-067.25 ở huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng của Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T2 nêu trên và 01 cây vam T dùng làm công cụ bế khóa xe mô tô 86B3-276.62; vào 30/9/2016 tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã xét xử và xử phạt T 15 tháng tù và T2 5 tháng 28 ngày về tội: trộm cắp tài sản và tuyên tịch thu tiêu hủy một cây vam mà T đã dùng phá khóa lấy trộm xe mô tô nên không xem xét giải quyết trong vụ án này (Theo bản án số 42/2016/HSST ngày 30/9/2016)

Bị cáo Nguyễn Văn T không trình bày lời bào chữa, bị cáo nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, đồng thời thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

Lời nói sau cùng bị cáo Nguyễn Văn T trình bày: Bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo hứa không bao giờ vi phạm nữa, bị cáo mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, Quyết định tố tụng:* Các hành vi, Quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng và đầy đủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở để kết luận:

Vào khoảng 14 giờ ngày 05/4/2016 thôn BN, xã BT, huyện B do Nguyễn Văn T lén lút lấy trộm xe mô tô biển số 86B3-276.62, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu đen-bạc-xanh, số khung 1211DY068837, số máy C12E-5069053 của Ngô Văn N1, trị giá 8.400.000 đồng, trên đường đi tiêu thụ thì bị phát hiện thu giữ, tài sản đã được giao trả lại cho bị hại.

Hành vi lén lút, bí mật lấy trộm một tài sản là xe mô tô biển số 86B3-27662 của Ngô Văn N1, trị giá 8.400.000 đồng nêu trên của Nguyễn Văn T, đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản”. tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cho thấy: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực, trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây nguy hiểm cho xã hội nên hậu quả phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ hành vi và hậu quả đã gây ra.

[3]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo Nguyễn Văn T không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của bị hại đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Đã được sửa đổi bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Nguyễn Văn T được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của bị hại đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[5] Về xử lý vật chứng vụ án:

+ Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ: Xe mô tô biển số 86B3-276.62, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu đen-bạc-xanh, số khung 1211DY068837, số máy C12E-5069053. Sau khi định giá, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý giao trả chiếc

xe mô tô trên cho bị hại Ngô Văn N1 theo quy định pháp luật là đúng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

+ Quá trình lập biên bản bắt truy nã đối với Nguyễn Văn T, thì cơ quan Công an có thu giữ một chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu đen của T. Quá trình điều tra xét thấy không có liên quan đến vụ án nên Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã xử lý giao trả chiếc điện thoại trên cho T theo quy định của pháp luật là đúng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] *Về phần trách nhiệm dân sự:* Sau khi nhận lại tài sản là xe mô tô biển số 86B3-276.62, bị hại Ngô Văn N1 yêu cầu Nguyễn Văn T bồi thường tiền chi phí sửa xe và các chi phí khác 1.000.000 đồng, T đã nhờ Nguyễn Văn T2 (là anh ruột của T) bồi thường cho N1 1.000.000 đồng. N1 đã đồng ý nhận tiền và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] *Về án phí:* Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** Khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

*** Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

*** Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù, Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam ngày 10/5/2022.

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm của bị cáo có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/9/2022).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Nhà tạm giữ - Công an huyện B;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu HSVA, VP.

Nguyễn Tuấn A